

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 42 CỦA ĐẢNG

ThS. Phan Tiến Âu - Trường Cao Đẳng Công thương Việt Nam

Tóm tắt: Hiện thực hóa mục tiêu phát triển hệ thống chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 của Đảng là nhiệm vụ lâu dài, đòi hỏi sự quyết tâm chính trị cao, cách tiếp cận toàn diện, sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, vì con người và hạnh phúc của nhân dân. Bài viết tập trung làm rõ các giải pháp nhằm hiện thực hóa việc phát triển hệ thống chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 của Đảng. Theo đó, chính sách xã hội được xác định vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển bền vững, lấy con người làm trung tâm và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Qua đó, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững ổn định xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội bền vững của đất nước.

Từ khóa: chính sách xã hội, phát triển hệ thống chính sách xã hội.

1. Đặt vấn đề

Hệ thống chính sách xã hội có ý nghĩa chính trị quan trọng, là một trụ cột tạo nên sự phát triển bền vững của quốc gia. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định hệ thống chính sách xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để phát triển nhanh và bền vững đất nước. Việc ban hành và tổ chức thực hiện hệ thống chính sách xã hội trong công cuộc đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Điều này thể hiện ở hệ thống chính sách xã hội ngày càng phát triển, hoàn thiện, trở thành hệ thống chính sách ngày càng đáp ứng tốt hơn những vấn đề thiết yếu của Nhân dân, vì Nhân dân, vì con người, đồng thời thúc đẩy xã hội đi tới mục tiêu dân chủ, công bằng, văn minh và hạnh phúc.

Tư duy lý luận phát triển hệ thống chính sách xã hội của Đảng là hệ thống quan điểm chỉ đạo, định hướng và điều chỉnh các chính sách xã hội nhằm bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tư duy này phản ánh sự kết hợp giữa nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với thực tiễn phát triển đất nước trong từng giai đoạn lịch sử. Từ sau công cuộc đổi mới năm

1986 đến nay, tư duy lý luận chính sách xã hội của Đảng đã không ngừng được bổ sung, hoàn thiện. Đặc biệt, hai dấu mốc quan trọng thể hiện rõ sự phát triển trong tư duy lý luận này là Nghị quyết số 15-NQ/TW năm 2012 và Nghị quyết số 42-NQ/TW năm 2023. Nếu như Nghị quyết 15 tập trung vào bảo đảm an sinh xã hội cơ bản, xây dựng hệ thống chính sách hỗ trợ các nhóm yếu thế, thì đến Nghị quyết 42, tư duy đã chuyển mạnh sang tiếp cận phát triển con người toàn diện, lấy con người làm trung tâm, thúc đẩy công bằng xã hội, phát triển bao trùm, hướng tới phát triển chính sách xã hội hiện đại, bền vững, hội nhập. Điều này đánh dấu một bước chuyển mạnh từ “chính sách xã hội mang tính hỗ trợ, thụ động” sang “chính sách xã hội chủ động, tích cực, gắn với phát triển bền vững”. Phản ánh sự nâng tầm tư duy chính sách xã hội của Đảng từ chỗ mang tính hỗ trợ, bao cấp sang hướng toàn diện, hiện đại, linh hoạt và hội nhập quốc tế. Đây không chỉ là sự mở rộng về nội dung mà còn là bước tiến lớn trong phương pháp tiếp cận- từ chính sách trợ giúp sang chính sách tạo cơ hội phát triển, từ bị động sang chủ động, từ bảo đảm mức sống tối thiểu sang nâng cao chất lượng sống.

Có thể khẳng định từ Nghị quyết số 15 năm 2012 đến Nghị quyết số 42 năm 2023, tư duy lý luận của Đảng về hệ thống chính sách xã hội có bước phát triển mang tính đột phá. Sự phát triển này thể hiện rõ nét tính nhạy bén, thực tiễn và khoa học trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Sự chuyển đổi này không chỉ phản ánh tính nhạy bén, linh hoạt của Đảng trong việc cập nhật và thích ứng với bối cảnh mới của đất nước và thế giới, mà còn cho thấy tầm nhìn khoa học, toàn diện và thực tiễn trong công tác hoạch định hệ thống chính sách xã hội. Đây là sự thay đổi căn bản để thích ứng với yêu cầu phát triển bền vững và xây dựng nhà nước kiến tạo phát triển trong thời đại mới.

Bảng: So sánh một số điểm cốt yếu trong tư duy lý luận của Đảng về chính sách xã hội trong Nghị quyết 15 và Nghị quyết số 42

Nội dung	Nghị quyết 15 (2012)	Nghị quyết 42 (2023)
Quan điểm tiếp cận	An sinh xã hội cơ bản, phúc lợi tối thiểu	Phát triển con người bền vững, công bằng xã hội

Nội dung	Nghị quyết 15 (2012)	Nghị quyết 42 (2023)
Vai trò Nhà nước	Định hướng, hỗ trợ, từng bước mở rộng chính sách	Chủ đạo trong điều tiết, bảo đảm quyền an sinh cho mọi người
Phương pháp tiếp cận	Gắn kết tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội	Hướng tới hệ thống chính sách đa tầng, linh hoạt, ứng dụng công nghệ số
Chính sách cụ thể	Hỗ trợ trực tiếp nhóm yếu thế	Tăng cường chủ động tham gia của người dân, khuyến khích sáng tạo xã hội
Tư duy phát triển	Bảo đảm tối thiểu	Hướng tới nâng cao chất lượng sống, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp nội dung từ Nghị quyết 15 và Nghị quyết 42

2. Mục tiêu, tầm nhìn và yêu cầu của tư duy lý luận của Đảng về chính sách xã hội trong Nghị quyết số 42

Nghị quyết số 42 xác định mục tiêu trọng tâm đến năm 2030: Xây dựng hệ thống chính sách xã hội theo hướng bền vững, tiến bộ và công bằng, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội đa dạng, đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững; tạo cơ hội cho Nhân dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nhà ở, thông tin. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững; nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân¹. Đồng thời, xác định tầm nhìn mang tính chiến lược, lâu dài, gắn với mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc: Hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng con người Việt Nam toàn diện. Việt Nam nằm trong nhóm quốc gia có chỉ số phát triển con người (HDI) cao trên thế giới².

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.*

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.*

Chính sách xã hội không còn là “hậu phương” mà là “động lực phát triển” song hành với tăng trưởng kinh tế. Lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực phát triển, đồng thời khẳng định vai trò của Nhà nước trong kiến tạo, bảo đảm quyền an sinh của người dân. Thực hiện chuyển đổi mô hình từ hỗ trợ sang trao quyền, khuyến khích tự lực, tự cường, giảm phụ thuộc. Kết hợp hài hòa chính sách công - tư, khơi dậy sức dân, doanh nghiệp, cộng đồng trong tham gia chính sách xã hội. Chính sách xã hội là “động lực phát triển kinh tế” phản ánh tư duy phát triển hiện đại, nhấn mạnh mối quan hệ hai chiều, bổ trợ lẫn nhau giữa chính sách xã hội và tăng trưởng kinh tế. Đây không còn là quan điểm “phúc lợi chỉ là gánh nặng ngân sách”, mà là nhìn nhận an sinh xã hội và công bằng xã hội là nền tảng để phát triển kinh tế bền vững, bao trùm và dài hạn. Chính sách xã hội được nhấn mạnh ở chiều cạnh đầu tư vào con người, vào xã hội, và là đòn bẩy quan trọng cho phát triển kinh tế bền vững.

Chính sách xã hội với trọng tâm tiếp cận theo hướng an sinh xã hội toàn diện. Tiếp cận theo hướng an sinh xã hội toàn diện là một cách tiếp cận chính sách nhằm đảm bảo mọi người dân-không phân biệt độ tuổi, giới tính, thu nhập hay hoàn cảnh- đều có thể tiếp cận và được bảo vệ trước các rủi ro trong cuộc sống, bao gồm: bệnh tật, thất nghiệp, tai nạn lao động, tuổi già, khuyết tật, nghèo đói, và các tình huống dễ tổn thương khác. Phủ rộng toàn dân, mọi người dân, không loại trừ ai, đều được tiếp cận các chính sách an sinh xã hội: bảo hiểm y tế, hưu trí, trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ người nghèo...Đặc biệt quan tâm tới các nhóm dễ bị tổn thương: trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ đơn thân, dân tộc thiểu số, lao động phi chính thức. Tập trung vào chăm sóc sức khỏe, giáo dục, việc làm, bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội, nhà ở, nước sạch, dinh dưỡng, an sinh cho trẻ em và người cao tuổi. Đặc biệt, không chỉ là hỗ trợ tài chính mà còn là tiếp cận dịch vụ công, phát triển năng lực, tạo cơ hội tự vươn lên.

Chuyển từ các chính sách mang tính hỗ trợ tạm thời sang các chính sách phát triển con người một cách toàn diện và bền vững. Thay đổi tư duy chính sách từ trợ giúp ngắn hạn sang đầu tư phát triển con người lâu dài và bền vững. Chính sách hỗ trợ được thực hiện ở phương diện trợ cấp tiền mặt, lương thực, nhà ở...nhằm giải quyết khó khăn tức thời. Trong khi đó, chính sách xã hội hướng đến phát triển con người bền vững, như: giáo

dục, y tế, đào tạo nghề, việc làm, môi trường sống, kỹ năng số và phát huy tiềm năng của con người để họ có thể tự vươn lên và đóng góp cho xã hội. Chính sách xã hội không chỉ giải quyết khó khăn trước mắt, mà phải đầu tư lâu dài cho sự phát triển con người-yếu tố cốt lõi của phát triển bền vững. Chuyển từ tư duy “cứu trợ-bao cấp” sang “trao quyền, nâng cao năng lực”; bảo đảm công bằng trong cơ hội phát triển không chỉ công bằng trong phân phối trong xã hội. Đổi mới phương thức hỗ trợ: thay vì hỗ trợ trực tiếp, ưu tiên hỗ trợ có điều kiện, trợ giá, tín dụng, bảo hiểm xã hội tự nguyện...Hài hòa với các tiêu chuẩn phát triển con người của Liên Hợp Quốc (HDI). Tiếp cận theo hướng an sinh xã hội toàn diện, dựa trên quyền con người-xu hướng toàn cầu hóa chính sách xã hội.

Xây dựng hệ thống chính sách xã hội đa tầng, linh hoạt, có khả năng thích ứng với các biến động. Điều này thể hiện tư duy thay vì thiết kế chính sách theo kiểu đơn tuyến, cứng nhắc và mang tính bao cấp trước đây, tư duy mới nhấn mạnh đến tính đa tầng-linh hoạt-thích ứng. Chính sách xã hội phải phân tầng theo nhu cầu và mức độ rủi ro của từng nhóm đối tượng trong xã hội. Trong đó, tầng cơ bản là bảo đảm mức sống tối thiểu (bảo trợ xã hội, trợ cấp nghèo...). Tầng trung gian là bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, việc làm bền vững. Tầng cao hơn là các chính sách phát triển cơ hội, tiếp cận dịch vụ chất lượng cao (giáo dục nâng cao, đào tạo nghề, nhà ở xã hội...). Do đó hệ thống chính sách xã hội đòi hỏi phải được thiết kế các lớp chính sách phù hợp với từng nhóm dân cư khác nhau (người nghèo, cận nghèo, lao động phi chính thức, người khuyết tật, người cao tuổi...). Kết hợp giữa chính sách phổ quát (áp dụng cho tất cả mọi người) và chính sách mục tiêu (hướng đến nhóm yếu thế). Hài hòa giữa các chính sách mang tính bảo vệ (phòng ngừa rủi ro) và thúc đẩy (đầu tư vào năng lực con người).

Bên cạnh đó, hệ thống chính sách xã hội được nhận diện, nhấn mạnh bởi tính thích ứng linh hoạt. Chính sách có khả năng điều chỉnh theo điều kiện thực tiễn và nhu cầu của người dân. Không cứng nhắc, rập khuôn mà có thể được cập nhật thường xuyên, phản ánh đúng tình hình và đối tượng. Đồng thời, hệ thống chính sách xã hội phải đảm bảo tính thích ứng, với sự phản ứng nhanh và hiệu quả với các cú sốc, khủng hoảng như: thiên tai, dịch bệnh (như COVID-19), biến đổi khí hậu, biến động thị trường lao động... Có thể khẳng định, đây là tư duy và quan điểm rất hiện đại, nó tương đồng với mô hình “hệ thống an sinh xã hội đa tầng” mà nhiều quốc gia thuộc khối OECD, EU đang áp dụng.

Hệ thống chính sách xã hội lấy con người làm trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực phát triển. Đây không chỉ là nguyên tắc đạo lý, mà còn là tư duy chiến lược để xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và thịnh vượng bền vững. Từ chỗ coi người dân là đối tượng thụ hưởng, chính sách xã hội nay hướng đến việc trao quyền, phát triển năng lực, nâng cao vai trò chủ thể của con người. Con người không chỉ là mục tiêu cuối cùng, mà còn là động lực nội tại thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Con người không chỉ là người thụ hưởng chính sách xã hội, mà còn là người tạo ra sự phát triển chính sách xã hội bằng lao động, sáng tạo, tinh thần đổi mới. Các chính sách xã hội hướng đến trao quyền, tạo điều kiện, phát huy tiềm năng và sự tham gia chủ động của người dân vào quá trình phát triển. Đặc biệt chú trọng đến các nhóm yếu thế (phụ nữ, người khuyết tật, dân tộc thiểu số, người nghèo...) để không ai bị bỏ lại phía sau. Các chỉ số như tuổi thọ, chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số hạnh phúc, sự hài lòng của người dân... cần được coi trọng không kém chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế.

3. Các giải pháp thúc đẩy mục tiêu phát triển hệ thống chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42

Một là, đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức và lan tỏa chính sách xã hội trong hệ thống chính trị và hệ thống xã hội. Tuyên truyền sâu rộng về ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 đối với phát triển bền vững của đất nước. Đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức tư duy của xã hội đối với chính sách xã hội. Tăng cường công tác quán triệt và giáo dục chính trị-tư tưởng. Tổ chức học tập sâu rộng trong toàn Đảng bộ, cán bộ, công chức và các tầng lớp nhân dân về nội dung, mục tiêu và yêu cầu của Nghị quyết. Nâng cao nhận thức về vị trí chiến lược của chính sách xã hội trong sự nghiệp phát triển đất nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của chính sách xã hội trong phát triển đất nước. Phát động các phong trào thi đua, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông để người dân hiểu đúng, chủ động tham gia chính sách xã hội.

Hai là, gắn công tác chính sách xã hội với công tác xây dựng Đảng và phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng. Xây dựng đội ngũ cán bộ có tâm, có tầm, đặt lợi ích nhân dân lên hàng đầu trong việc triển khai chính sách xã hội. Đổi mới phương

thức lãnh đạo của cấp ủy. Chuyển từ chỉ đạo hành chính đơn thuần sang lãnh đạo định hướng, kiến tạo phát triển. Ban hành chương trình hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết 42 gắn với nhiệm vụ chính trị và điều kiện thực tế địa phương. Vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của cấp ủy Đảng. Thể hiện vai trò định hướng chính trị, tư tưởng. Quán triệt sâu sắc quan điểm, mục tiêu, nội dung của Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đưa việc triển khai chính sách xã hội thành nội dung quan trọng trong chương trình hành động của cấp ủy các cấp.

Ba là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chính sách xã hội đối với các cấp ủy Đảng. Chỉ đạo kiểm tra định kỳ, giám sát việc thực hiện Nghị quyết 42 tại địa phương, đơn vị. Kịp thời phát hiện, xử lý các sai phạm hoặc chậm trễ trong thực thi chính sách xã hội. Đưa nội dung thực hiện Nghị quyết 42 vào công tác kiểm tra, giám sát của Đảng. Kiểm tra việc tổ chức thực hiện chính sách xã hội tại các cấp, các ngành, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những biểu hiện sai lệch, chậm trễ hoặc hình thức. Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết vào đánh giá năng lực lãnh đạo của cấp ủy và cán bộ chủ chốt. Thiết lập cơ chế giám sát độc lập và trách nhiệm giải trình trong thực hiện chính sách xã hội. Tăng cường giám sát, đánh giá và xử lý sai phạm. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá chính sách xã hội minh bạch, dựa trên bằng chứng. Xử lý nghiêm các hành vi trục lợi chính sách, gian lận trong hỗ trợ an sinh

Bốn là, phát huy vai trò của Nhà nước và chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện và điều tiết chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 là nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo đảm các chính sách an sinh, giảm nghèo và hỗ trợ các đối tượng yếu thế được triển khai hiệu quả, kịp thời và công bằng. Nhà nước giữ vai trò định hướng, ban hành cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất; đồng thời thực hiện điều tiết nguồn lực thông qua ngân sách, trợ cấp, quỹ xã hội để hỗ trợ các đối tượng khó khăn. Chính quyền các cấp cần chủ động cụ thể hóa Nghị quyết số 42 thành chương trình, kế hoạch hành động phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương; tăng cường phân công, phối hợp rõ ràng giữa các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, chú trọng công tác chỉ đạo, điều hành, bảo đảm bố trí nguồn lực hợp lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu và tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, qua đó nâng

cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết số 42.

Năm là, phát huy vai trò của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội trong giám sát thực thi chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 là yêu cầu quan trọng nhằm bảo đảm các chính sách xã hội được triển khai đúng mục tiêu, đúng đối tượng, công bằng và hiệu quả. Quốc hội tiếp tục thực hiện tốt chức năng giám sát tối cao thông qua giám sát chuyên đề, chất vấn và theo dõi việc thực hiện các kiến nghị đối với chính sách xã hội; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò nòng cốt trong giám sát và phản biện xã hội, tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân, kịp thời phát hiện và phản ánh những bất cập trong quá trình thực thi chính sách. Việc tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể theo tinh thần Nghị quyết số 42 góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chính sách xã hội, thúc đẩy dân chủ và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội.

Sáu là, phát huy vai trò nêu gương, gán trách nhiệm người đứng đầu các cấp ủy chính quyền trong tổ chức thực hiện chính sách xã hội. Người đứng đầu cấp ủy và chính quyền phải là lực lượng đi đầu trong chuyển đổi tư duy chính sách, từ “cấp phát” sang “trao quyền”, từ “đối phó” sang “chủ động, phát triển”. Gương mẫu trong cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, minh bạch hóa thông tin về chính sách xã hội. Tăng cường đối thoại với người dân, nhất là nhóm yếu thế, để lắng nghe, điều chỉnh chính sách sát thực tiễn.

Bảy là, phát huy hiệu quả sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức xã hội và người dân trong chính sách xã hội. Để chính sách xã hội được xây dựng và thực thi hiệu quả, cần phát huy đầy đủ sự tham gia của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và người dân trong toàn bộ quá trình chính sách. Doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, tạo việc làm, bảo đảm phúc lợi cho người lao động và thực hiện trách nhiệm xã hội, qua đó chia sẻ gánh nặng an sinh với Nhà nước. Các tổ chức xã hội với lợi thế gần dân, am hiểu thực tiễn cần được tạo điều kiện tham gia phản biện, triển khai và giám sát chính sách xã hội, đặc biệt trong hỗ trợ các nhóm yếu thế. Người dân vừa là đối tượng thụ hưởng, vừa là chủ thể giám sát cần được bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, tham gia góp ý và phản ánh kịp thời những bất cập trong quá trình thực hiện

chính sách. Việc hoàn thiện cơ chế phối hợp, tăng cường công khai, minh bạch sẽ góp phần nâng cao hiệu quả, tính bền vững và đồng thuận xã hội trong thực hiện chính sách xã hội.

Tám là, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 là nhiệm vụ, giải pháp cốt yếu để bảo đảm các chính sách được triển khai đồng bộ, minh bạch và hiệu quả. Cần tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật, cơ chế, quy định liên quan đến bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, việc làm và các chương trình hỗ trợ đối tượng yếu thế, khắc phục chòng chéo, bất cập và nâng cao tính khả thi, phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng và ban hành Luật Chính sách xã hội. Trong đó thể hiện các yêu cầu, mục tiêu, nội dung... mang tính nền tảng pháp lý, tổng thể, có tính bao trùm, hiện đại, bền vững, liên thông và đồng bộ. Trên cơ sở đó, ban hành khung chính sách xã hội đa tầng, liên thông, linh hoạt có khả năng thích ứng với các biến động xã hội, bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, dịch vụ xã hội cơ bản... Xây dựng các chính sách khuyến khích người dân tự chủ: tiết kiệm hưu trí, bảo hiểm thương mại, nhà ở xã hội... Xây dựng cơ chế đối thoại chính sách, phản biện xã hội minh bạch, hiệu quả.

Chín là, tăng cường liên kết, lồng ghép các chính sách xã hội trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội các cấp là yêu cầu quan trọng để bảo đảm phát triển toàn diện, bền vững và công bằng. Việc này giúp các chính sách xã hội gắn kết chặt chẽ với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm nghèo, thu hẹp bất bình đẳng và bảo đảm an sinh xã hội. Các cấp chính quyền cần xây dựng cơ chế phối hợp, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực và địa phương, tránh chòng chéo, lãng phí nguồn lực, đồng thời ưu tiên nguồn lực cho các chính sách mang tính liên kết cao, có tác động lan tỏa, bảo đảm sự thống nhất giữa chiến lược phát triển kinh tế-xã hội với các chương trình, dự án an sinh xã hội ở từng địa phương.

Mười là, khuyến khích hợp tác công-tư trong thực hiện chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả, mở rộng nguồn lực và tính bền vững của chính sách. Nhà nước cần tạo cơ chế thuận lợi, minh bạch để doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng tham gia cùng đầu tư, triển khai các dự án về y tế, giáo dục, hỗ trợ người nghèo và các đối tượng yếu thế. Đồng thời, cần xây dựng

chính sách khuyến khích, giám sát chặt chẽ, bảo đảm trách nhiệm và hiệu quả của các bên tham gia, thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ giữa khu vực công và tư trong việc triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các chính sách xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 42 một cách toàn diện và bền vững.

Mười một là, tăng cường phối hợp liên ngành và phân cấp trong thực hiện chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 cần phải được thúc đẩy mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực và bảo đảm tính đồng bộ trong triển khai. Các cơ quan nhà nước cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, lĩnh vực, từ trung ương đến địa phương, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và cơ chế kiểm tra, giám sát. Việc phân cấp hợp lý giúp địa phương chủ động trong tổ chức thực hiện, điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của người dân, đồng thời tăng cường trao đổi thông tin, đánh giá kết quả liên ngành, bảo đảm các chương trình, dự án xã hội được triển khai hiệu quả, công bằng và bền vững.

Mười hai là, phát huy vai trò của công nghệ và chuyển đổi số trong thực hiện chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 là giải pháp nền tảng nhằm nâng cao hiệu quả, minh bạch, linh hoạt và kịp thời. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số giúp quản lý, theo dõi, phân bổ nguồn lực chính xác, rút ngắn thời gian thực hiện và giảm thiểu sai sót, tiêu cực. Đồng thời, chuyển đổi số tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham gia đóng góp ý kiến, giám sát và phản hồi về quá trình thực hiện chính sách. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đảm bảo minh bạch, công bằng và bền vững trong triển khai các chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42.

Mười ba là, đảm bảo nguồn lực trong thực hiện chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 cần phải được xác định yếu tố then chốt. Nhà nước cần bố trí đủ ngân sách, quỹ dự phòng và các nguồn lực công khai, minh bạch để hỗ trợ các đối tượng yếu thế, giảm nghèo và phát triển cộng đồng. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các nguồn lực tư nhân thông qua cơ chế hợp tác công- tư, nhằm tăng cường tính chủ động, linh hoạt và mở rộng phạm vi bao phủ của các chính sách xã hội. Việc quản lý và phân bổ nguồn lực cần minh bạch, có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt

chẽ, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả và đúng đối tượng thụ hưởng theo tinh thần Nghị quyết số 42.

Mười bốn là, phát triển nguồn nhân lực thực hiện chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 là yếu tố quyết định. Cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác xã hội, bảo đảm có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ; cũng như phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm sự tận hiến phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế thu hút, đãi ngộ và giữ chân nhân lực chất lượng cao, khuyến khích sự tham gia của các chuyên gia, tổ chức xã hội và cộng đồng trong quá trình thực hiện chính sách xã hội. Việc phát triển nguồn nhân lực đồng bộ góp phần nâng cao năng lực tổ chức, điều hành, giám sát và đánh giá các chính sách xã hội, bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Nghị quyết số 42.

Mười lăm là, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 42 cần được đổi mới theo hướng dựa trên bằng chứng khoa học và thực tiễn, lấy con người làm trung tâm. Thông qua việc nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, ứng dụng dữ liệu và công nghệ hiện đại, gắn chặt kết quả nghiên cứu với quá trình xây dựng và triển khai chính sách xã hội, đồng thời phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan liên quan, nghiên cứu khoa học sẽ góp phần bảo đảm chính sách xã hội được ban hành và thực hiện hiệu quả, công bằng, bao trùm và bền vững.

4. Kết luận

Nghị quyết 42-NQ/TW ngày 20/11/2023 về tiếp tục đổi mới, phát triển chính sách xã hội là bước ngoặt trong tư duy của Đảng, nhằm xây dựng một hệ thống an sinh xã hội bao trùm, công bằng, hiệu quả, bền vững. Nghị quyết 42 thể hiện tư duy chiến lược, tầm nhìn dài hạn của Đảng trong việc định hình hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Đây là nền tảng chính trị-tư tưởng để tiếp tục cụ thể hóa bằng luật pháp, chương trình hành động và nguồn lực triển khai mạnh mẽ trong thời gian tới. Để đưa nghị quyết vào cuộc sống, cần phát huy vai trò trung tâm của cấp ủy Đảng trong lãnh đạo, và chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ nhận thức, thể chế, nguồn lực đến hành động cụ thể. Trong đó, đặc biệt cần phát huy vai trò

lãnh đạo đúng đắn của cấp ủy Đảng và điều hành linh hoạt, quyết liệt của chính quyền. Sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ, sát thực tiễn giữa hai chủ thể này là chìa khóa để chính sách xã hội thực sự đi vào cuộc sống, vì hạnh phúc của nhân dân và sự phát triển bền vững của đất nước.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 10/6/2012 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.*
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Nghị quyết số 42-NQ/TW, ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng các chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.*